

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO.

Mã chứng khoán: LMI

Trụ sở chính: KM 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513 569 439 ; Fax: 02513 569 437

Email: lama@lamaidico.com.vn ; Website: www.lamaidico.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Ngô Ngọc Quỳnh Như

Điện thoại: 02513 569 439 ; Fax: 02513 569 437

ĐT Di động: 0934 188 909

Loại thông tin công bố:  24h;  72h;  Yêu cầu;  Bất thường;  Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Tài chính năm 2024

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty với đường dẫn: <http://www.lamaidico.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2024
- Văn bản giải trình số: 115/CT-TCKT, ngày 28/03/2024
- Văn bản số: 116/CBTT-CT, ngày 28/03/2024

Trân trọng!  
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Ngô Ngọc Quỳnh Như

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
LẮP MÁY IDICO

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG LẮP MÁY IDICO

Date: 2025.03.28 10:50:32

+07'00'

Số: MG /CBTT - CTĐồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **LMI**
- Địa chỉ: KM23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Long An, Long Thành, Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 0934 188 909
- Email: [lama@lamaidico.com.vn](mailto:lama@lamaidico.com.vn) ; Website: [lamaidico.com.vn](http://lamaidico.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không



Số: 115/CT-TCKT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2025

V/v Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế  
TNDN so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO (LAMA IDICO) xin  
trân trọng cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về  
việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Báo cáo tài  
chính riêng của LAMA IDICO năm 2023; Năm 2024 đã được kiểm toán,

**LAMA IDICO xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo  
cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 so với cùng kỳ năm trước, cụ  
thể như sau:**

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC 2023	Số liệu trên BCTC 2024	Chênh lệch (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.450.836.021	7.946.227.757	2.495.391.736	45,78%

**\*Nguyên nhân chênh lệch tăng:**

Do trong năm 2024 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng; Đồng  
thời, trong năm 2024 Công ty tiếp cận được giá nguyên vật liệu đầu vào tốt hơn.

Trên đây là giải trình của LAMA IDICO về biến động lợi nhuận sau thuế  
TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 so với cùng kỳ  
năm trước.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà  
nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng!

**LAMA IDICO**

**\*Nơi nhận:**

- Như trên;
- Websise LAMA IDICO;
- Lưu: VPTH, TCKT.



Giám Đốc

*Nguyễn Cao Hà*

**CPAVIETNAM**

Qualified Services  
with Global  
Understanding and Vision



Local Expertise  
International Presence

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Head Office in Hanoi: 8<sup>th</sup> floor, VG Building,  
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121  
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn  
www.cpvietnam.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

---

**Đồng Nai - Tháng 03 năm 2025**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**CÔNG TY**

Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 04 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600975839 thay đổi lần thứ 05 ngày 04/08/2020 là 55.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO MACHINERY ERECTION CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: LAMA IDICO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán LMI.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Thùy	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2024
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Thành viên	Bầu bổ sung từ ngày 26/4/2024
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên HĐQT, kiêm Kế toán trưởng	
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên	

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Ngọc Loan	Trưởng ban
Bà Phạm Minh Hải	Thành viên
Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Duy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Phó Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Cao Hà**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:            Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO, được lập tại ngày 26/3/2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

019  
: TY  
: H  
: OÁ  
: INA  
: OY  
: 038  
: TY  
: AN  
: DU  
: Y  
: O  
: 1.8

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12 2023 được doanh nghiệp kiểm toán và Kiểm toán viên khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo kiểm toán vào ngày 30/3/2024.



*(Handwritten signatures in blue ink)*

Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Lưu Minh Tới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>141.304.107.077</b>	<b>237.152.948.904</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17.997.752.089</b>	<b>59.345.024.756</b>
1. Tiền	111	5.1	17.997.752.089	845.024.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	58.500.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.154.223.500</b>	<b>22.154.223.500</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	22.154.223.500	22.154.223.500
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.504.061.804</b>	<b>39.360.318.146</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	67.451.833.759	33.836.685.521
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	643.096.900	7.984.266.252
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.582.149.132	2.748.555.231
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.8	(14.173.017.987)	(5.209.188.858)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>43.409.141.192</b>	<b>106.357.180.998</b>
1. Hàng tồn kho	141		43.409.141.192	106.357.180.998
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.238.928.492</b>	<b>9.936.201.504</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.238.928.492	9.936.201.504
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>57.362.008.369</b>	<b>61.982.139.214</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.959.238.077</b>	<b>44.183.556.065</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	37.735.852.521	44.183.556.065
- Nguyên giá	222		137.912.498.263	143.912.943.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.176.645.742)	(99.729.387.652)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	223.385.556	-
- Nguyên giá	228		656.250.000	386.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(432.864.444)	(386.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.11</b>	<b>1.797.950.760</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.797.950.760	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.4</b>	<b>11.270.000.000</b>	<b>11.270.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.800.000.000	9.800.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.470.000.000	1.470.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.334.819.532</b>	<b>6.528.583.149</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	6.334.819.532	6.528.583.149
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>198.666.115.446</b>	<b>299.135.088.118</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>108.265.146.842</b>	<b>211.229.511.250</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108.265.146.842</b>	<b>211.229.511.250</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	11.496.755.444	82.259.300.672
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.550.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.758.799.526	1.864.359.966
4. Phải trả người lao động	314		2.489.023.343	5.050.016.699
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	31.743.659	97.969.813
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	5.022.371.029	4.059.173.073
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	72.293.339.589	114.593.612.108
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	7.518.199.312	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.104.914.940	3.305.078.919
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>90.400.968.604</b>	<b>87.905.576.868</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>90.400.968.604</b>	<b>87.905.576.868</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.454.740.847	27.454.740.847
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.946.227.757	5.450.836.021
- LNST chưa phân phối kì này	421b		7.946.227.757	5.450.836.021
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>198.666.115.446</b>	<b>299.135.088.118</b>

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc



Vũ Thị Hiền



Nguyễn Cao Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	261.507.511.137	251.204.507.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		261.507.511.137	251.204.507.689
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	218.594.288.001	217.752.815.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		42.913.223.136	33.451.692.534
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.215.114.547	5.855.703.935
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.684.912.829	12.285.431.891
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.982.635.304	10.061.220.434
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	29.180.233.765	19.420.015.746
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		9.263.191.089	7.601.948.832
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.801.151.869	1.312.823.051
12. Chi phí khác	32	6.6	1.396.068.675	579.902.879
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	405.083.194	732.920.172
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		9.668.274.283	8.334.869.004
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.722.046.526	2.884.032.983
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.946.227.757	5.450.836.021
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.253	800

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Trần Văn Ngọc

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hiền

Giám đốc



Nguyễn Cao Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.668.274.283	8.334.869.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		6.189.665.210	6.878.375.559
- Các khoản dự phòng	03		16.482.028.441	4.149.450.583
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(49.026.302)	185.350.381
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(791.903.352)	(1.960.221.776)
- Chi phí lãi vay	06		5.982.635.304	10.061.220.434
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		37.481.673.584	27.649.044.185
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.650.062.541)	84.125.725.974
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		62.948.039.806	(65.540.746.218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(71.787.939.273)	17.161.361.737
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		193.763.617	1.610.075.380
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.322.079.748)	(10.061.220.434)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.732.364.116)	(1.449.603.108)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(251.000.000)	(131.630.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.880.031.329</b>	<b>53.363.007.516</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.856.407.903)	(560.710.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		760.237.234	109.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	24.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.230.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.788.250.090	1.084.354.622
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(307.920.579)</b>	<b>27.762.735.531</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		243.291.985.534	276.505.733.645
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(285.592.258.053)	(293.940.310.770)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.668.137.200)	(7.013.091.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(45.968.409.719)</b>	<b>(24.447.668.125)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(41.396.298.969)	56.678.074.922
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59.345.024.756	2.666.980.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		49.026.302	(31.136)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	17.997.752.089	59.345.024.756

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền



Nguyễn Cao Hà

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 04 tháng 8 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600975839 thay đổi lần thứ 05 ngày 04/08/2020 là 55.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO MACHINERY ERECTION CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: LAMA IDICO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán LMI.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 97 người (tại ngày 01/01/2024 là 214 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO là về Xây lắp, gia công kết cấu thép.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Các hoạt động chính của Công ty gồm:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình;
- Sản xuất thùng; bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công, lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực cho các dây chuyền công nghệ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất nồi hơi (Trừ nồi hơi trung tâm): Gia công, lắp đặt lò hơi trung, cao áp;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp và trạm phân phối điện đến 500KV, gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải;
- Gia công lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sản công nghiệp, cảng biển và sông;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí; Và
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản, áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm và tài sản vô hình khác là 15 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về sản phẩm cơ khí được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng sản phẩm cơ khí phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 căn cứ vào các hợp đồng đã ký với người mua.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

197  
TY  
H  
ÁN  
NÀI  
ĐÀI  
CÔNG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Lãi tiền gửi, thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo theo khu vực địa lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	89.898.221	95.381.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.907.853.868	749.643.538
Tương đương tiền	-	58.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>17.997.752.089</b>	<b>59.345.024.756</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**

Mẫu số B 09 - DN

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện  
Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	22.154.223.500	22.154.223.500	22.154.223.500	22.154.223.500
<b>Tổng</b>	<b>22.154.223.500</b>	<b>22.154.223.500</b>	<b>22.154.223.500</b>	<b>22.154.223.500</b>

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với tổng số tiền 22.154.223.500 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai số tiền 100.000.000 VND đang được dùng thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này. Toàn bộ khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch số tiền 21.571.350.000 VND được dùng thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
DANIELI CO., LTD	41.559.565.630	3.795.966.708
Công ty cổ phần tư vấn quản lý dự án dầu khí PVE	10.660.243.403	10.660.243.403
Công ty Cổ phần LILAMA 45.3	4.880.870.985	4.880.870.985
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	7.400.116.757
Phải thu khách hàng khác	10.351.153.741	7.099.487.668
<b>Tổng</b>	<b>67.451.833.759</b>	<b>33.836.685.521</b>
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.475.165.404</i>	<i>1.503.408.204</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẬP MÁY IDICO**  
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.4 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO (i)	49,00%	49,00%	9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			1.470.000.000	-	1.470.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO (i)	11,44%	11,44%	1.470.000.000	-	1.470.000.000	-
<b>Tổng</b>			<b>11.270.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.270.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

**5.5 Trả trước người bán ngắn hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Dương Tuấn Tú	-	-	7.958.692.652	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	268.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	334.067.400	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	41.029.500	-	25.573.600	-
<b>Tổng</b>	<b>643.096.900</b>	<b>-</b>	<b>7.984.266.252</b>	<b>-</b>

**5.6 Các khoản phải thu khác**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**  
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.8 Nợ xấu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2024 (VND)				Tại ngày 01/01/2024 (VND)			
	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thẻ thu hồi	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thẻ thu hồi
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	> 3 năm	121.600.000	(121.600.000)	-	> 3 năm	171.600.000	(171.600.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Hồng Lâm	> 3 năm	643.408.036	(643.408.036)	-	> 3 năm	643.408.036	(643.408.036)	-
Công ty Cổ phần XD - TV - TM Huỳnh Nguyễn Phùng	> 3 năm	65.011.258	(65.011.258)	-	> 3 năm	65.011.258	(65.011.258)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	> 3 năm	1.423.408.204	(1.423.408.204)	-	> 3 năm	1.503.408.204	(501.422.999)	1.001.985.205
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án đầu khí PVE	> 3 năm	10.660.243.403	(10.660.243.403)	-	> 3 năm	10.660.243.403	(3.198.073.021)	7.462.170.382
Công ty Cổ phần hàng hải và DV KT TJS	> 3 năm	659.033.053	(659.033.053)	-	> 3 năm	659.033.053	(329.516.527)	329.516.526
Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ kỹ thuật TJS	> 3 năm	600.314.033	(600.314.033)	-	> 3 năm	600.314.033	(300.157.017)	300.157.016
<b>Tổng</b>		<b>14.173.017.987</b>	<b>(14.173.017.987)</b>	<b>-</b>		<b>14.303.017.987</b>	<b>(5.209.188.858)</b>	<b>9.093.829.129</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**  
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	59.358.754.633	65.387.317.829	18.606.771.982	259.108.000	300.991.273	143.912.943.717
Tăng trong năm	-	30.500.000	758.457.143	-	-	788.957.143
Mua trong năm	-	30.500.000	758.457.143	-	-	788.957.143
Giảm trong năm	-	(5.671.288.961)	(1.118.113.636)	-	-	(6.789.402.597)
Thanh lý nhượng bán	-	(5.671.288.961)	(1.118.113.636)	-	-	(6.789.402.597)
Số dư tại 31/12/2024	59.358.754.633	59.746.528.868	18.247.115.489	259.108.000	300.991.273	137.912.498.263
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	27.789.287.015	56.444.719.723	15.147.407.134	55.233.589	292.740.191	99.729.387.652
Tăng trong năm	3.070.018.788	830.853.212	2.182.395.864	52.031.820	8.251.082	6.143.550.766
Khấu hao trong năm	3.070.018.788	830.853.212	2.182.395.864	52.031.820	8.251.082	6.143.550.766
Giảm trong năm	-	(4.578.179.040)	(1.118.113.636)	-	-	(5.696.292.676)
Thanh lý nhượng bán	-	(4.578.179.040)	(1.118.113.636)	-	-	(5.696.292.676)
Số dư tại 31/12/2024	30.859.305.803	52.697.393.895	16.211.689.362	107.265.409	300.991.273	100.176.645.742
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2024	31.569.467.618	8.942.598.106	3.459.364.848	203.874.411	8.251.082	44.183.556.065
Tại ngày 31/12/2024	28.499.448.830	7.049.134.973	2.035.426.127	151.842.591	-	37.735.852.521

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 61.548.852.374 VND (tại ngày 01/01/2024 là 61.548.852.374 VND).

Giá trị TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2024 là 39.190.420.371 VND (tại ngày 01/01/2024 là 32.480.214.662 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện  
Long Thành, Tỉnh Đồng Nai**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	386.750.000	386.750.000
Tăng trong năm	269.500.000	269.500.000
Mua trong năm	269.500.000	269.500.000
Số dư tại ngày 31/12/2024	<u>656.250.000</u>	<u>656.250.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2024	386.750.000	386.750.000
Tăng trong năm	46.114.444	46.114.444
Khấu hao trong năm	46.114.444	46.114.444
Số dư tại ngày 31/12/2024	<u>432.864.444</u>	<u>432.864.444</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	<u>223.385.556</u>	<u>223.385.556</u>

Nguyên giá của tài sản cố định các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 386.750.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 386.750.000 VND).

**5.11 Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư máy Phay di động	1.031.891.420	-
Đầu tư lấy dầu ASME	766.059.340	-
<b>Tổng</b>	<u>1.797.950.760</u>	<u>-</u>

**5.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	135.269.779	186.241.463
Tiền thuê đất Văn phòng làm việc	6.199.549.753	6.342.341.686
<b>Tổng</b>	<u>6.334.819.532</u>	<u>6.528.583.149</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẬP MÁY IDICO  
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	1.864.359.966	5.817.736.308	5.923.296.748	1.758.799.526
Thuế GTGT	-	3.645.882.936	3.645.882.936	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.659.534	9.659.534	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.732.364.116	1.722.046.526	1.732.364.116	1.722.046.526
Thuế thu nhập cá nhân	131.995.850	437.147.312	532.390.162	36.753.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí gia công hàng xuất khẩu cho Công ty TNHH Danieli	31.743.659	97.969.813
<b>Tổng</b>	<b>31.743.659</b>	<b>97.969.813</b>

**5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.518.199.312	-
<i>Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: Gia công hàng cho DAN PO23082058</i>	1.356.981.090	-
<i>Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: Gia công hàng xk cho DAN-PO23466082</i>	6.161.218.222	-
<b>Tổng</b>	<b>7.518.199.312</b>	<b>-</b>

**5.18 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Kinh phí công đoàn	1.455.339.121	1.365.239.121
Bảo hiểm xã hội	138.586.658	-
Bảo hiểm y tế	19.529.247	86.588.428
Bảo hiểm thất nghiệp	8.640.929	40.014.751
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.223.612.800	491.750.000
Công ty cổ phần LILAMA 45.3 (vật tư công trình mượn tạm)	1.252.412.598	1.252.412.598
Lãi dự trả tiền vay	660.555.556	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	263.694.120	823.168.175
<b>Tổng</b>	<b>5.022.371.029</b>	<b>4.059.173.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẤP MÁY IDICO**  
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (i)	72.293.339.589	72.293.339.589	248.295.411.554	285.592.258.053	109.590.186.088	109.590.186.088
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai	28.393.671.178	28.393.671.178	158.763.770.630	195.130.162.283	64.760.062.831	64.760.062.831
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (ii)	28.899.668.411	28.899.668.411	74.531.640.924	90.462.095.770	44.830.123.257	44.830.123.257
Vay các cá nhân (iii)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
<b>b) Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (i)	-	-	-	5.003.426.020	5.003.426.020	5.003.426.020
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai	-	-	-	2.201.888.929	2.201.888.929	2.201.888.929
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (i)	-	-	-	2.801.537.091	2.801.537.091	2.801.537.091
<b>Tổng</b>	<b>72.293.339.589</b>	<b>72.293.339.589</b>	<b>248.295.411.554</b>	<b>290.595.684.073</b>	<b>114.593.612.108</b>	<b>114.593.612.108</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(i) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai**

Số tiền được vay	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/2184159/HĐTĐ ngày 30/9/2024, với các điều khoản chi tiết sau:
Hạn mức tín dụng	150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, trong đó: Hạn mức vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C là 130.000.000.000 VND; Hạn mức cấp bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán) là 20.000.000.000 VND;
Thời hạn vay	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
Lãi suất vay	Theo từng giấy nhận nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do BIDV phát hành số FDR 6711001745226 ngày 17/7/2023; - Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 821758, số vào cấp sổ GCN: CT 53141, thửa số 88, tờ bản đồ số 22 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/5/2020. Địa chỉ: Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; - Tài sản gắn liền với đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 41 the Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 387004, số vào sổ cấp GCN: CT 71248 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/22/2022. Địa chỉ: xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Phương tiện giao thông vận tải đường bộ và xe máy chuyên dụng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải đường bộ số 0020/NHNT-CRC/TC21 ngày 12/4/2021 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung của Hợp đồng thế chấp này ký giữa Ngân hàng và Công ty; - Thế chấp hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ nguồn vốn cấp tín dụng của Ngân hàng BIDV.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024	28.393.671.178 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch**

Số tiền được vay Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 224005-CRC/HĐCV-HM ngày 28/02/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND;

Mục đích vay Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư TSCĐ;

Thời hạn vay Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/02/2025;

Lãi suất vay Điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, phù hợp với chính sách lãi suất cho vay của VCB trong từng thời kỳ;

Hình thức đảm bảo tiền vay Một phần đảm bảo bằng Tài sản là tiền gửi VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (giá trị tối thiểu bằng 50% dư nợ vay) và một phần cho vay tín chấp;

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024 28.889.668.411 VND

**(iii) Vay ngắn hạn của các cá nhân như sau:**

(iii.1) Vay Ông Hồ Chí Linh

Số hợp đồng Số 160124L/HĐVV-TCKT ngày 16/01/2024

Số tiền vay 2.500.000.000 VND;

Mục đích vay Phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn vay 01 năm

Lãi suất vay 05%/năm

Hình thức đảm bảo tiền vay Tín chấp

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024 2.500.000.000 VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(iii) Vay ngắn hạn của các cá nhân như sau (Tiếp theo)**

(iii.5)

Vay Ông Phạm Huy Bình

Số hợp đồng

Số 210324B/HĐVV-TCKT ngày 21/03/2024

Số tiền vay

3.000.000.000 VND;

Mục đích vay

Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn vay

01 năm

Lãi suất vay

05%/năm

Hình thức đảm bảo tiền vay

Tín chấp

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024

3.000.000.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẬP MÁY IDICO**  
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Xã Long An, Huyện Long Thành,  
Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>3.482.548.490</b>	<b>85.937.289.337</b>
Lãi trong năm trước	-	-	5.450.836.021	5.450.836.021
Chia cổ tức	-	-	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(732.548.490)	(732.548.490)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>5.450.836.021</b>	<b>87.905.576.868</b>
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>5.450.836.021</b>	<b>87.905.576.868</b>
Lãi trong năm nay	-	-	7.946.227.757	7.946.227.757
Chia cổ tức năm 2023 (i)	-	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng (i)	-	-	(550.836.021)	(550.836.021)
Trích quỹ Ban điều hành (i)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>7.946.227.757</b>	<b>90.400.968.604</b>

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 43/NQ-ĐHCD ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền 08% Vốn điều lệ tương ứng số tiền 4.400.000.000 VND.

- Trích quỹ khen thưởng 10,11% Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tương ứng 550.836.021 VND.

- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành tương ứng 500.000.000 VND.

17/11/2024  
L  
8.8  
H  
T  
Y  
/01/0

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2024 (VND)			Tại ngày 01/01/2024 (VND)		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)
Ông Nguyễn Cao Hà	22,79%	1.253.400	12.534.000.000	22,79%	1.253.400	12.534.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	7,33%	403.060	4.030.600.000	7,33%	403.060	4.030.600.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	20,13%	1.106.891	11.068.910.000	20,13%	1.106.891	11.068.910.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	5,19%	285.665	2.856.650.000	5,19%	285.665	2.856.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	4,81%	264.424	2.644.240.000	4,81%	264.424	2.644.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	0,00%	-	-	4,36%	240.000	2.400.000.000
Cổ đông khác	39,76%	2.186.560	21.865.600.000	35,39%	1.946.560	19.465.600.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>5.500.000</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>5.500.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.400.000.000	2.750.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**e. Các quỹ Công ty**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.454.740.847	27.454.740.847
<b>Tổng</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>27.454.740.847</b>

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất từ năm 2008 đến năm 2058. Diện tích khu đất thuê là 33.090 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hợp đồng.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà văn phòng từ năm 2018 đến năm 2068. Diện tích khu đất thuê là 892,4 m2 Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê theo quy định hợp đồng.

**b. Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công là các chi tiết, vật tư gia công kết cấu thép.

**c. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	18.717,10	1.665,92
Tương ứng tiền VND	472.625.492	40.115.354
Đồng Euro (EUR)	149,47	170,11
Tương ứng tiền VND	3.903.164	4.485.826

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, sắt thép phế liệu	1.800.237.375	10.065.678.014
Doanh thu hoạt động xây lắp	259.707.273.762	241.138.829.675
<b>Tổng</b>	<b>261.507.511.137</b>	<b>251.204.507.689</b>
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>216.139.252</i>	<i>510.995.355</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	537.648.629	7.524.156.776
Giá vốn của hoạt động xây lắp	218.056.639.372	210.228.658.379
<b>Tổng</b>	<b>218.594.288.001</b>	<b>217.752.815.155</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	1.095.376.039	1.233.130.867
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.400.000	618.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.041.312.206	4.004.573.068
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.026.302	-
<b>Tổng</b>	<b>3.215.114.547</b>	<b>5.855.703.935</b>

*Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)*

29.400.000	30.000.000
------------	------------

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	5.982.635.304	10.061.220.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.702.277.525	2.038.861.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	185.350.381
<b>Tổng</b>	<b>7.684.912.829</b>	<b>12.285.431.891</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	287.976.581	577.379.355
Chi phí nhân công	9.173.468.158	9.743.559.183
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.084.294.065	1.207.702.273
Thuế phí và lệ phí	16.482.028.441	4.149.450.583
Chi phí dự phòng	423.186.855	866.663.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.515.657	1.744.336.596
Chi phí bằng tiền khác	1.092.764.008	1.130.924.525
<b>Tổng</b>	<b>29.180.233.765</b>	<b>19.420.015.746</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản	760.237.234	109.090.909
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	154.080.000	680.961.257
Hoàn nhập chi phí trích trước hoạt động xây lắp	85.033.717	521.922.958
Thu nhập khác	801.800.918	847.927
<b>Tổng</b>	<b>1.801.151.869</b>	<b>1.312.823.051</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt hành chính	79.726.934	436.714.993
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	903.169.310	140.122.063
Các khoản khác	413.172.431	3.065.823
<b>Tổng</b>	<b>1.396.068.675</b>	<b>579.902.879</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>405.083.194</b>	<b>732.920.172</b>
<i>Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>152.400.000</i>	<i>174.721.257</i>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.393.571.232	199.983.955.959
Chi phí nhân công	56.535.035.552	34.191.560.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.189.665.210	6.878.375.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.028.656.148	50.249.951.353
Chi phí khác bằng tiền	1.926.554.136	3.260.077.634
<b>Tổng</b>	<b>180.073.482.278</b>	<b>294.563.920.598</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.668.274.283</b>	<b>8.334.869.004</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>244.726.934</b>	<b>2.455.280.373</b>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>79.726.934</i>	<i>436.714.993</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	<i>-</i>	<i>1.835.565.380</i>
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không tham gia trực tiếp điều hành</i>	<i>165.000.000</i>	<i>183.000.000</i>
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>1.302.768.586</b>	<b>618.000.000</b>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>29.400.000</i>	<i>618.000.000</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	<i>1.273.368.586</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.610.232.631</b>	<b>10.172.149.377</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>8.610.232.631</b>	<b>10.172.149.377</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.722.046.526</b>	<b>2.034.429.875</b>
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	849.603.108
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.722.046.526</b>	<b>2.884.032.983</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 Trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.946.227.757	5.450.836.021
Trích quỹ khen thưởng và quỹ Ban điều hành làm giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	(1.056.235.943)	(1.050.836.021)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.889.991.814	4.400.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.253</b>	<b>800</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO, số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành là 1.056.235.943 VND. Quyết định cuối cùng về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ có thể bị thay đổi sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

**Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:**

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Theo đó, Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày lại như sau:

	Năm 2023 đã trình bày (VND)	Năm 2023 trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.450.836.021	5.450.836.021	-
Trích quỹ khen thưởng và quỹ Ban điều hành	(545.083.602)	(1.050.836.021)	(505.752.419)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.905.752.419	4.400.000.000	(505.752.419)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>892</b>	<b>800</b>	<b>(92)</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

**a) Danh sách các bên liên quan**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Cùng Tổng Công ty
2	Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cổ đông lớn
3	Tổng Công ty IDICO - CTCP	Cổ đông lớn
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Cùng Tổng Công ty
6	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

**b) Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Thị Thủy	Chủ tịch HĐQT	75.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	45.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Nguyên Thành viên HĐQT	9.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên HĐQT	45.000.000	36.000.000
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên HĐQT	45.000.000	36.000.000
<b>Tổng</b>		<b>243.000.000</b>	<b>204.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC(Tiếp theo)****7.1 Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Trưởng ban kiểm soát	45.000.000	36.000.000
Ông Phạm Minh Hải	Thành viên BKS	134.030.000	246.331.000
Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên BKS	192.354.000	178.104.000
<b>Tổng</b>		<b>371.384.000</b>	<b>460.435.000</b>

**d. Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc	435.911.000	429.626.000
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Phó Giám đốc	389.622.000	374.254.000
Ông Nguyễn Khánh Duy	Phó Giám đốc	375.825.000	278.587.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Nguyên Phó Giám đốc	-	215.064.000
Bà Vũ Thị Hiền	Kế toán trưởng	267.889.000	265.525.000
<b>Tổng</b>		<b>1.469.247.000</b>	<b>1.563.056.000</b>

**f) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Giao dịch mua</b>		<b>15.706.460.829</b>	<b>35.911.958.106</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Mua hàng hóa	13.735.863.072	34.232.081.516
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	Tiền sinh hoạt tại Tòa nhà Văn phòng	66.255.086	138.304.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Tiền điện	1.004.417.655	919.338.169
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Xử lý nước thải và tiền thuê lại đất	899.925.016	622.233.621
<b>Giao dịch bán</b>		<b>216.139.252</b>	<b>510.995.355</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.139.252	510.995.355
<b>Giao dịch khác</b>		<b>152.400.000</b>	<b>1.874.721.257</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Thu nhập khác	144.000.000	168.001.257
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	Thu nhập khác	8.400.000	6.720.000
Nguyễn Khánh Duy	Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	-	1.700.000.000
<b>Cổ tức được nhận</b>		<b>29.400.000</b>	<b>30.000.000</b>
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO		29.400.000	30.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

**7.1 Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**e) Số dư chủ yếu với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>1.475.165.404</b>	<b>1.503.408.204</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	51.757.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	1.423.408.204	1.503.408.204
<b>Phải thu khác</b>	<b>588.000.000</b>	<b>588.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	588.000.000	588.000.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>3.373.591.936</b>	<b>10.662.212.112</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	3.284.583.470	10.452.362.363
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	37.336.814	122.229.648
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	50.625.206	84.562.739
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	1.046.446	3.057.362

**7.2 Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo chia theo khu vực địa lý**

<b>Cho năm tài chính kết thúc</b>	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước (VND)</b>	<b>Nước ngoài (VND)</b>	<b>Tổng (VND)</b>
<b>ngày 31/12/2024</b>			
Doanh thu	40.484.843.308	221.022.667.829	261.507.511.137
Giá vốn	32.195.104.805	186.399.183.196	218.594.288.001
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>8.289.738.503</b>	<b>34.623.484.633</b>	<b>42.913.223.136</b>

<b>Cho năm tài chính kết thúc</b>	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước (VND)</b>	<b>Nước ngoài (VND)</b>	<b>Tổng (VND)</b>
<b>ngày 31/12/2023</b>			
Doanh thu	44.251.666.360	206.952.841.329	251.204.507.689
Giá vốn	40.025.992.520	177.726.822.635	217.752.815.155
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>4.225.673.840</b>	<b>29.226.018.694</b>	<b>33.451.692.534</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền



Nguyễn Cao Hà

